

Daily note 01/10/2026

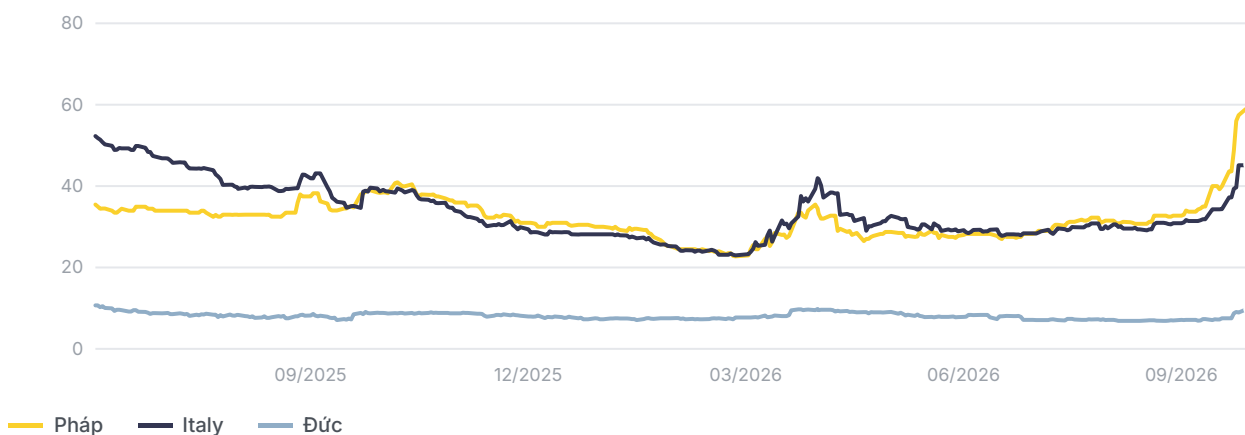
Rủi ro tín dụng bắt đầu được định giá lại ở trái phiếu chính phủ Pháp và ở nhóm doanh nghiệp xếp hạng thấp nhất, trong khi tỷ lệ tiết kiệm của hộ gia đình Mỹ xuống thấp nhất kể từ năm 2022.

01 CDS của Pháp tăng gấp đôi trong một tháng

CDS 5 năm của Pháp, mức phí bảo hiểm rủi ro vỡ nợ của trái phiếu chính phủ, tăng từ 32,74 điểm cơ bản ngày 28/08 lên 65,38 điểm cơ bản ngày 30/09. Đây là mức cao nhất kể từ tháng 2/2017.

CDS 5 năm (điểm cơ bản)	30/09/2025	28/08/2026	17/09/2026	30/09/2026	Thay đổi một tháng
Pháp	38,33	32,74	39,22	65,38	+32,64
Italy	38,69	30,86	34,27	45,39	+14,53
Tây Ban Nha	25,67	16,06	16,32	19,59	+3,53
Đức	8,85	6,99	7,22	9,89	+2,90
Mỹ	36,86	33,29	31,93	33,75	+0,46

CDS 5 năm của Pháp, Italy và Đức



40yo.vn, World Government Bonds

ĐIỂM CƠ BẢN

Phần lớn mức tăng diễn ra trong chín phiên kể từ 17/09, khi CDS Pháp tăng 66,7%. Trong cùng tháng, CDS của Tây Ban Nha và Đức chỉ tăng chưa tới 4 điểm cơ bản, nên rủi ro được định giá lại gần với riêng nước Pháp hơn là với cả khu vực đồng euro.

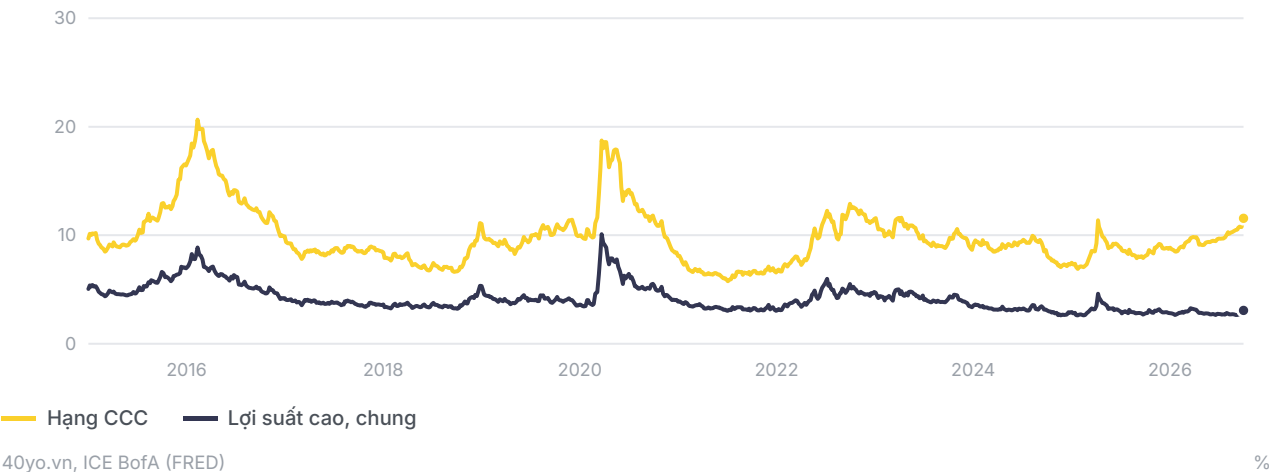
Một năm trước, CDS của Pháp và Italy gần bằng nhau. Nay CDS Pháp cao hơn Italy 20 điểm cơ bản, mức chênh lệch lớn nhất kể từ năm 2008, khi chuỗi số liệu bắt đầu. Lợi suất trái phiếu chính phủ Pháp 30 năm cũng lên 5,48%, cao nhất kể từ tháng 6/2002.

02 Phần bù lợi suất của trái phiếu doanh nghiệp hạng CCC cao nhất kể từ tháng 4/2023

Phần bù lợi suất là phần lợi suất trái phiếu doanh nghiệp cao hơn trái phiếu chính phủ cùng kỳ hạn. Theo chỉ số ICE BofA, phần bù của nhóm trái phiếu xếp hạng CCC tại Mỹ, nhóm có rủi ro vỡ nợ cao nhất, lên 11,57% ngày 29/09.

Phần bù lợi suất (%)	30/09/2025	28/08/2026	29/09/2026	Thay đổi một tháng	Ghi chú
Hạng CCC	8,07	10,26	11,57	+1,31	cao nhất kể từ 04/2023
Lợi suất cao (HY), chung	2,80	2,60	3,08	+0,48	phân vị 13% kể từ 1996
Lợi suất cao, châu Âu	2,72	2,55	2,94	+0,39	
Hạng BBB	0,97	0,97	1,02	+0,05	
Khoảng cách CCC so với HY chung	5,27	7,66	8,49	+0,83	lớn nhất kể từ 06/2020

Phần bù lợi suất trái phiếu doanh nghiệp Mỹ hạng CCC và nhóm lợi suất cao



Trong một năm, phần bù của nhóm CCC tăng 3,50 điểm phần trăm, trong khi nhóm HY chung chỉ tăng 0,28 điểm và nhóm BBB gần như không đổi. Nhà đầu tư đang đòi thêm lãi chủ yếu ở các doanh nghiệp yếu nhất. Nhóm HY chung vẫn ở phân vị 13% kể từ năm 1996, nên mặt bằng chung của thị trường trái phiếu doanh nghiệp chưa căng thẳng.

03 Tỷ lệ tiết kiệm của hộ gia đình Mỹ thấp nhất kể từ năm 2022

Theo số liệu thu nhập và chi tiêu cá nhân tháng 8/2026 của Bộ Thương mại Mỹ, tỷ lệ tiết kiệm giảm từ 4,6% xuống 4,1% thu nhập khả dụng. Đây là mức thấp nhất kể từ tháng 11/2022 (4,0%).

Chi tiêu	08/2025	07/2026	08/2026	So với tháng trước	So với cùng kỳ
Chi tiêu tiêu dùng cá nhân (tỷ USD, quy năm)	21.029,5	22.117,7	22.308,5	+0,86%	+6,08%
Thu nhập khả dụng (tỷ USD, quy năm)	23.121,3	24.154,6	24.223,2	+0,28%	+4,77%
Tỷ lệ tiết kiệm (% thu nhập khả dụng)	5,2	4,6	4,1	-0,5 điểm %	-1,1 điểm %

Tỷ lệ tiết kiệm của hộ gia đình Mỹ



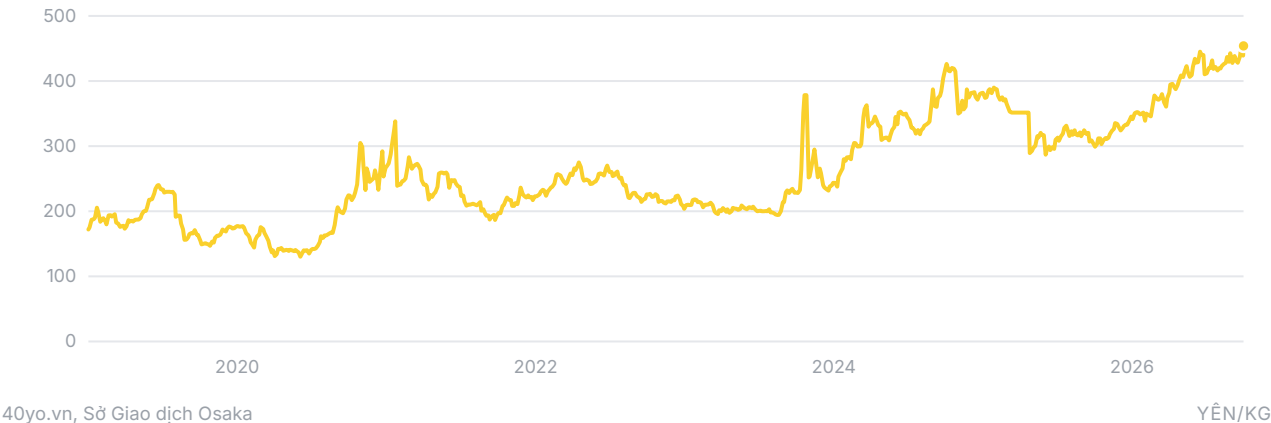
Chi tiêu tháng 8 tăng 0,86%, gấp ba mức tăng 0,28% của thu nhập khả dụng, nên tỷ lệ tiết kiệm giảm 0,5 điểm phần trăm trong một tháng. Mức 4,1% nằm ở phân vị 8% của chuỗi kể từ năm 1959.

04 Giá cao su cao nhất kể từ năm 2011, nhưng Việt Nam xuất khẩu ít hơn

Giá cao su RSS3 kỳ hạn tại Nhật Bản lên 454,1 yên/kg ngày 30/09, cao nhất kể từ tháng 4/2011. Giá cao su kỳ hạn tại Thượng Hải lên 20.095 nhân dân tệ/tấn, cao nhất kể từ tháng 2/2017.

Chi tiêu	Một năm trước	Hiện tại	So với cùng kỳ	Ghi chú
Cao su RSS3 kỳ hạn tại Nhật Bản (yên/kg)	300,0	454,1	+51,4%	phân vị 99% kể từ 2010
Cao su kỳ hạn Thượng Hải (nhân dân tệ/tấn)	15.180	20.095	+32,4%	phân vị 100% trong 5 năm
Giá xuất khẩu cao su Việt Nam, 08/2026 (USD/kg)	1,66	2,09	+26,2%	
Kim ngạch xuất khẩu cao su Việt Nam, 08/2026 (triệu USD)	359,3	332,1	-7,6%	
Lượng xuất khẩu, tính từ kim ngạch và giá (nghìn tấn)	216,7	158,8	-26,7%	

Giá cao su RSS3 kỳ hạn tại Nhật Bản



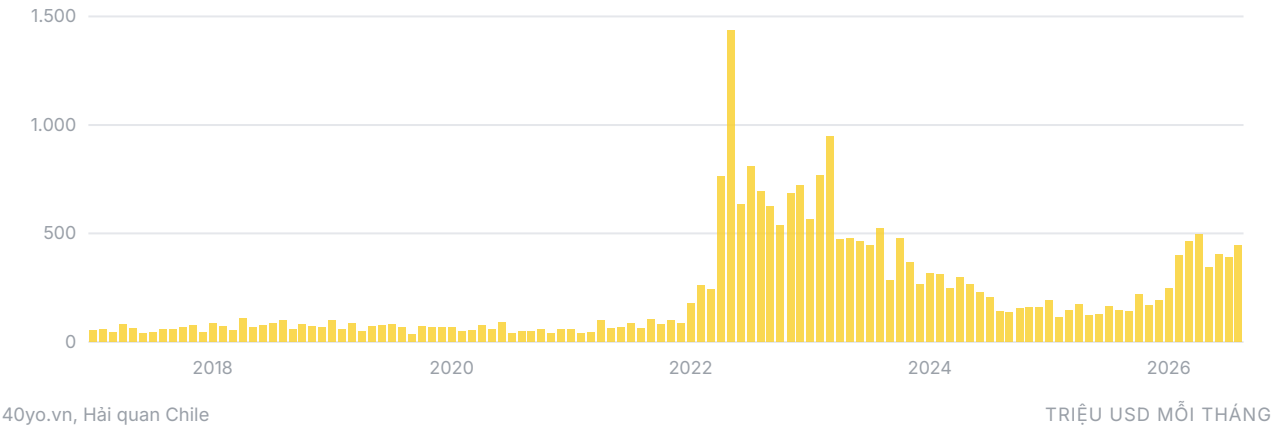
Giá xuất khẩu cao su của Việt Nam tháng 8 tăng 26,2% so với cùng kỳ, nhưng kim ngạch vẫn giảm 7,6% vì lượng bán ra giảm khoảng 26,7%. Như vậy Việt Nam chỉ hưởng một phần đợt tăng giá.

05 Lithium phục hồi khi cả ba mắt xích của chuỗi cung ứng cùng tăng

Theo số liệu hải quan, xuất khẩu lithium carbonate của Chile tháng 8/2026 đạt 445 triệu USD, gấp 3,1 lần cùng kỳ. Xuất khẩu quặng lithium của Úc tăng hơn gấp ba, nhập khẩu muối cacbonat của Trung Quốc tăng gần gấp ba.

Chỉ tiêu	Kỳ	Cùng kỳ năm trước	Kỳ này	So với cùng kỳ
Chile xuất khẩu lithium carbonate (triệu USD)	08/2026	145	445	+206,9%
Úc xuất khẩu quặng lithium spodumene (triệu AUD)	07/2026	304,2	1.081,8	+255,7%
Trung Quốc nhập khẩu muối cacbonat, gồm lithium carbonate (triệu USD)	06/2026	189,6	525,7	+177,3%
Giá lithium carbonate tại Trung Quốc, bình quân tháng (nhân dân tệ/tấn)	08/2026	78.663	154.250	+96,1%

Xuất khẩu lithium carbonate của Chile



Giá lithium carbonate đã tăng khoảng 2,5 lần từ đáy 60.485 nhân dân tệ/tấn của tháng 6/2025. Giá trị xuất khẩu của Chile tăng nhanh hơn giá, nên khối lượng bán ra cũng tăng. Giá và lượng cùng tăng là dấu hiệu của cầu tăng; nếu nguồn cung bị gián đoạn thì giá tăng nhưng lượng giảm.

Phần lớn dòng hàng đi về Trung Quốc: trong 12 tháng gần nhất, Trung Quốc mua 71% lithium carbonate của Chile. Cả khâu khai thác quặng ở Úc, khâu tinh chế muối ở Chile và khâu nhập khẩu ở Trung Quốc cùng tăng từ 2,8 đến 3,6 lần, cho thấy chu kỳ lithium đã đảo chiều từ đáy giữa năm 2025.

06 Tỷ trọng đô la trong dự trữ ngoại hối toàn cầu giảm về 56,7%

Theo số liệu cơ cấu dự trữ ngoại hối (COFER) của IMF, tỷ trọng đô la Mỹ trong dự trữ được phân bổ của các ngân hàng trung ương giảm từ 57,18% cuối quý 1 xuống 56,70% cuối quý 2/2026. Đây là mức thấp thứ ba kể từ năm 1999.

Tỷ trọng trong dự trữ ngoại hối (%)	06/2025	03/2026	06/2026	Thay đổi trong quý	Ghi chú
Đô la Mỹ	56,95	57,18	56,70	-0,48 điểm %	thấp nhất là 56,52 (12/2025), cao nhất là 72,13 (06/1999)
Euro	20,26	20,04	20,60	+0,56 điểm %	cao nhất kể từ 09/2014
Yên	5,67	5,43	4,96	-0,47 điểm %	thấp nhất kể từ 06/2018
Nhân dân tệ	1,98	1,98	2,11	+0,13 điểm %	

Tỷ trọng đô la Mỹ trong dự trữ ngoại hối toàn cầu



Tỷ trọng tính trên giá trị quy ra đô la, nên nó thay đổi cả khi tỷ giá thay đổi. Với yên, giá trị dự trữ giảm 7,8% trong quý 2, trong khi đồng yên chỉ mất 2,4% so với đô la. Phần lớn mức giảm vì vậy đến từ việc các ngân hàng trung ương giảm nắm giữ tài sản bằng yên.